HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 07 /2019/NQ-HĐND	*Long An, ngày 25 tháng 7 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 12/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 354/BC-HĐND ngày 26/6/2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An áp dụng đối với các sản phẩm trong Danh mục các ngành

hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt gồm: Cây lúa, cây thanh long, cây rau, cây chanh, con gia cầm, con bò thịt, con cá tra và con tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng).

2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

3.1. Tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng.

3.2. Hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 03 tỷ đồng.

3.3. Xây dựng mô hình khuyến nông: Mức hỗ trợ áp dụng theo các quy định pháp luật hiện hành.

3.4. Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Mức hỗ trợ áp dụng theo các quy định pháp luật hiện hành.

3.5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã.

a) Giống, vật tư thiết yếu: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu (các loại phân bón, hóa chất, thức ăn), thời gian và mức hỗ trợ như sau:

- Cây lúa: Hỗ trợ chi phí mua giống và vật tư thiết yếu 03 vụ, mức hỗ trợ không quá 04 triệu đồng/ha/vụ. Tổng mức hỗ trợ không quá 600 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Cây rau: Hỗ trợ chi phí mua giống và vật tư thiết yếu 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, mức hỗ trợ không quá 12 triệu đồng/ha/vụ hoặc 01 chu kỳ. Tổng mức hỗ trợ không quá 72 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Cây chanh: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 05 triệu đồng/ha; Hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 14 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 940 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Cây thanh long: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 11 triệu đồng/ha; Hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 17 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 1.240 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Bò thịt: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 05 triệu đồng/con; Hỗ trợ chi phí mua thức ăn trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/con/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 520 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Gia cầm: Hỗ trợ chi phí mua giống, thức ăn, hóa chất của 03 vụ nuôi hoặc 03 chu kỳ sản xuất (03 tháng/vụ hoặc 01 chu kỳ), mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/1.000 con/vụ hoặc 01 chu kỳ. Tổng mức hỗ trợ không quá 180 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng): Hỗ trợ chi phí mua giống, thức ăn, hóa chất của 03 vụ nuôi hoặc 03 chu kỳ sản xuất (04 tháng/vụ hoặc chu kỳ), mức hỗ trợ không quá 28 triệu đồng/1.000m^2/vụ hoặc 01 chu kỳ. Tổng mức hỗ trợ không quá 168 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Cá tra giống: Hỗ trợ chi phí mua giống, thức ăn, hóa chất trong 03 vụ nuôi (03 tháng/vụ), mức hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/1.000m^2/vụ. Tổng mức hỗ trợ không quá 48 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

b) Hỗ trợ 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm trong 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất. Tổng mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

3.6. Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Tổng mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.

3.7. Trong trường hợp một thời điểm, nội dung thực hiện có nhiều chính sách, hỗ trợ khác nhau thì đối tượng thụ hưởng lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

4. Điều kiện và nguồn vốn hỗ trợ

4.1. Điều kiện để được hỗ trợ: Các bên tham gia liên kết để được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

4.2. Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện:

a) Đối với nội dung chi và mức chi tại Khoản 1, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 2 thì sử dụng nguồn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình dự án hợp pháp khác.

b) Đối với nội dung chi và mức chi tại Khoản 2 Điều 2 thì sử dụng nguồn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình dự án hợp pháp khác.

c) Đối với nội dung chi và mức chi tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 2 thì sử dụng nguồn của các chương trình, dự án về khuyến nông; chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

d) Nguồn kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024: khoảng 131,2 tỷ đồng.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các bên tham gia liên kết đang thực hiện theo Nghị quyết số 259/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Long An (giai đoạn 2016-2020) trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt hoặc hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị quyết này cho đến khi hết hợp đồng liên kết đã ký nếu đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp đã trình cơ quan có thẩm quyền để được hưởng chính sách trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa phê duyệt thì tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 259/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách ưu đãi, mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Long An (giai đoạn 2016-2020).

Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 18/7/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2019./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. (20)

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Phạm Văn Rạnh